TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày 19 – 02– 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Hà, bà Đỗ Thị Hoài Mơ.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân LN, BG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 140/2024/TLST-DSTC ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2024/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 12 năm 2024, quyết định hoãn phiên toà số 14 ngày 21/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Yên 3, xã Tam Dị, LN, BG

Người vảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H luật sư Nguyễn Đức T – Công ty TNHH luật Quang Minh THL (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thanh Giã 1, xã Tam Dị, LN, BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/10/2024 cùng các lời khai nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày: Chị và chị Nguyễn Thị N là người cùng xã và có mối quan hệ quen biết nhau nên chị đã cho chị N vay số tiền 35.000.000 đồng, mục đích chị N vay tiền là đầu tư phát triển làm ăn kinh tế, việc vay nợ thể hiện trong giấy biên nhận vay tiền do chính chị Nguyễn Thị N viết và ký tên. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận bằng miệng giữa hai bên, mức lãi suất cho vay là 2,5%/ tháng,

Thời hạn cho vay thỏa thuận bằng miệng là một năm, tính từ ngày 05 tháng 8 năm 2011 dương lịch. Đến ngày 05 tháng 8 năm 2012, khi đến thời hạn trả, chị có đến nhà chị N nhiều lần để yêu cầu trả tiền vay nợ gốc và lãi nhưng chị N không trả được, trong quá trình vay nợ, chị N đã trả được cho chị là 2.625.000

tiền lãi trả làm ba là lần, còn số tiền gốc chị N không trả được, nay chị yêu cầu toá án buộc chị N phải trả số tiền gốc là 35.000.000đ, số tiền lãi tính từ ngày 06 tháng 8 năm 2012 cho đến khi xét xử với mức lãi suất 18 %/năm.

Tại phiên tòa chị Phùng Thị H thay đổi khi chị cho H vay các bên không thoả thuận về thời hạn trả, có thoả thuận lãi suất, chị yêu cầu tính lãi suất từ ngày vay 05/8/2011 đến ngày xét xử 19/02/2025 mức lãi suất 0,75%/tháng tính tròn 162 tháng x 262.500đ/tháng = 42.525.000đ - 2.625.000 đồng =39.900.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi 35.000.000đ + 39.900.000đ = 74.900.000đ.

Tại phiên toà luật sư T không bổ sung gì thêm.

Anh Đào viết Phan, chồng chị H trình bày: Anh là chồng của chị Phùng Thị H, việc vay tiền giữa chị H với chị N anh không có liên quan gì. Sau này chị H vợ anh nói anh mới được biết, số tiền chị H cho chị N vay là số tiền riêng của chị H, anh không liên quan gì anh đề nghị Tòa án, không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Chị Nguyễn Thị N là bị đơn trình bày: Ngày 06 tháng 7 năm 2011 âm lịch, chị có vay của chị Phùng Thị H, chồng là anh Phan, số tiền 35.000.000 đồng, hai bên có viết giấy tờ vay nợ (tự tay chị ghi giấy vay nợ và ký vào giấy vay nợ) trong giấy vay nợ không ghi thời hạn trả và cũng không ghi lãi suất, chị N cũng không đưa ra là khi nào chị phải trả tiền gốc, trên thực tế chị vẫn phải trả lãi suất, lãi suất bao nhiêu chị không nắm được. Chị đã trả được số tiền lãi 2.625.000đ, chị trả 3 lần mỗi lần 875.000đ. Nay chị H khởi kiện đòi nợ chị đồng ý trả số tiền gốc 35.000.000đ nhưng chị xin trả dần vì hiện nay chị vỡ nợ không có tài sản gì. Về lãi xuất chị đề nghị Toà án tính lãi suất từ khi chị H khởi kiện đến khi xét xử trừ đi số tiền lãi chị đã trả là 2.625.000đ. Việc vay nợ giữa chị và chị H là nợ của riêng chị không liên quan đến chồng chị là anh Mạnh. Chị đề nghị không đưa anh Nguyễn Văn mạnh là tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án T theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, bị đơn, chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ điều 476, điều 477 Bộ luật dân sự 2005

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H.

Buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho chị Phùng Thị H 35.000.000 đồng tiền gốc. 05/8/2011 đến ngày xét xử 19/02/2025 mức lãi suất 0,75%/tháng tính tròn 162 tháng x 262.500đ/tháng = 42.525.000đ - 2.625.000 đồng =39.900.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi 35.000.000đ + 39.900.000đ = 74.900.000đ.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị

đơn chị N phải chịu 3.745.000đ án phí DSST theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngoài ra đại điện Viện kiểm sát còn đề xuất quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên Tòa các đương sự đều có mặt Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung:*

Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của của chị Phùng Thị H HĐXX thấy:

Tại giấy vay ghi ngày 06/7/2011 âm lịch tức ngày 05/8/2011 chị N có vay số tiền 35.000.000 đồng, giấy vay nợ không ghi thời hạn trả không ghi lãi suất.

HĐXX xác định việc vay tiền của chị N và chị H có viết giấy vay nợ đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Tại các lời khai và tại phiên toà chị N đều thừa nhận có vay số tiền 35.000.000đ và đồng ý trả số tiền gốc 35.000.000đ nhưng do kinh tế khó khăn chị xin trả dần và đã trả lãi chị H 2.625.000đ và chị H cũng đã thừa nhận.

Về số tiền lãi phát sinh HĐXX xác định giấy vay nợ không ghi thời hạn trả, không ghi lãi suất, chị H khai lãi suất theo thoả thuận, chị N đề nghị Toà án tính lãi suất theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị N đã trả lãi được 3 tháng nên HĐXX chấp nhận tính lãi theo đề nghị của chị H tính lãi từ ngày 05/8/2011 đến ngày xét xử 19/02/2025 mức lãi suất 0,75%/tháng tính tròn 162 tháng x 262.500đ/tháng = 42.525.000đ - 2.625.000 đồng =39.900.000đ. Tổng số tiền gốc và tiền lãi 35.000.000đ + 39.900.000đ = 74.900.000đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên chị N phải chịu 3.745.000 đồng án phí DSST theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 476, điều 477 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273, điều 280 Bộ luật

Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị H.

Buộc chị Nguyễn Thị N trả chị Phùng Thị H số tiền tổng số tiền gốc và tiền lãi 35.000.000đ + 39.900.000đ = 74.900.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãicủa số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 3.745.000 đồng án phí DSST. Hoàn trả chị H 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008529 ngày 28/10/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lự